

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/10/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+BK6+PPD	7:25	18+4+0	0+0+0		0+9+13	0+0+0	Đoàn kỹ thuật
2		TD3+MRM	7:25	21+1	0+0		21+1	0+0	
3	406	TD5+P1+BK5	7:25	19+0+3	0+0+0		14+0+3	0+0+0	chuyen 5 P1-BK5
4		TD5+P6	9:25	19+3	0+0		13+9	0+0	
5		CTK3+P2	9:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
6		RP2+BK14	9:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
7		P2+CLO	11:25	19+3	0+0		4+18	0+0	
8		TD3+BK4+TD5	11:25	4+0+18	0+0+0		3+0+18	0+0+0	chuyen 1 bk4-td5
9		RC3+TD3	11:25	5+17	0+0		2+20	0+0	
10		RC10+RP2+RC3	13:25	6+10+6	0+0+0		4+6+12	0+0+0	
11		CTC1+RP2	13:25	18+4	0+0		9+11	0+0	

406 không quay về

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày CLO-18ng, TD3-5ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: CLO - BK6 - PPD	CREW: Dương - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VIỆT DŨNG	CLO					60	ĐH	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN HOÀNG	CLO					75	ĐH	Vietnamese
3	YAKOVENKO EVGENY. B	CLO					92	ĐH	Russian
4	NGUYỄN DUONG PHÚC	CLO					63	ĐH	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG GIANG	CLO	05	1	2		67	ĐH	Vietnamese
6	PHẠM VĂN QUÂN	CLO	74-75	2	7		70	ĐH	Vietnamese
7	PHAN KIM CUONG	CLO					60	ĐH	Vietnamese
8	YATSENKO S.V.	CLO	03	1	3		98	TTANTOA	Russian
9	TRẦN NGỌC BÌNH	CLO				40	72	TTCNTT	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TRINH	CLO	01	1	5		74	CCĐK9	Vietnamese
11	POPOV A.A.	CLO	76	1	5		80	KH-THAC	Russian
12	VŨ VIỆT THANH	CLO					75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM THANH TUNG	CLO	02,04	2	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRỊNH QUỐC PHONG	CLO					58	CODIEN	Vietnamese
15	ELKIN	CLO	06	1	7		90	XAYLAP	Russian
16	NGUYỄN THÈ VÂN	CLO	07	1	3		72	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI TRỌNG HÂN	CLO					65	NIPI	Vietnamese
18	BUI HỒNG DƯƠNG	CLO					56	NIPI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	BK6	91	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THIẾP	BK6	93-94	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HAI	BK6	95	1	5	40	75	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN TRỌNG MINH	BK6	92	1	3		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	18	10	37	1.292	40	0		
2	BK6	4	5	21	295	40	9		
3	PPD	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		22	15	58	1.587	80	22		
WEIGHT KG				58	1.587	80			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/10/2023	TO: TD3 - MRM	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Cuong - Tú	ETA: 09:25
CAM-1			

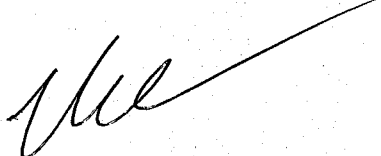
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC CUÔNG	TD3	17	1	5	90	65	NAM TIEN	Vietnamese
2	LÊ HỒNG ĐẠI	TD3	16	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
3	CHU MINH HUNG	TD3	24	1	2		85	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN THỊNH	TD3	18	1	5		72	NIPI	Vietnamese
5	BUI ĐÌNH PHI	TD3					65	NIPI	Vietnamese
6	KOROTKOV VICTOR	TD3	05	1	5		125	KHOAN	Russian
7	GUSEINOV MAXIM	TD3	13	1	8		79	KHOAN	Russian
8	BUI HUU VUNG	TD3	22	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
9	LUU VAN SON	TD3	07	1	2		62	KHOAN	Vietnamese
10	NGO VAN KIEM	TD3	21	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ THANH HAI	TD3	08-09	2	13		98	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM TRUONG ANH	TD3	15	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
13	VU TOAN THANG	TD3	11	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ ANH XUÂN	TD3					69	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN HAI NAM	TD3					69	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN MINH THẮNG	TD3	10	1	4		128	KHOAN	Vietnamese
17	KHUẤT QUANG KIẾN	TD3	12	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG MINH TOAN	TD3	14	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN ĐỨC THỊNH	TD3	23	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM ĐÌNH BẢO	TD3	19-20	2	18		63	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN ĐỨC THẮNG	TD3	06	1	1		62	KHOAN	Vietnamese
22	FERDINAND A LIGADU	MRM	15	1	8	18	80	PVD BH	Malaysian

FLIGHT PLAN

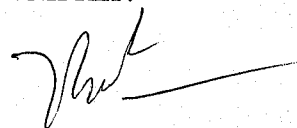
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	20	118	1.635	90	21		
2	MRM	1	1	8	80	18	1		
TOTAL		22	21	126	1.715	108	22		
WEIGHT KG				126	1.715	108			

GRAND TOAL: 1.949 KGS

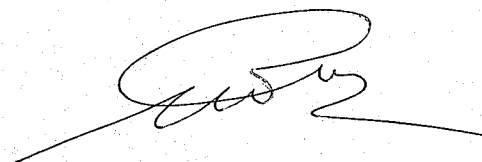
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: TD5 - P1 - BK5	CREW: HƯNG - NPhú - DTùng	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV DANIIL	TD5	56	1	5		67	KHOAN	Russian
2	CHUSH MAKSIM	TD5	58	1	7		101	KHOAN	Russian
3	NGUYEN XUAN THE	TD5	62	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THIÊU	TD5	59	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
5	VY HUNG CUONG	TD5	51	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
6	MAI TRUONG TRUNG	TD5	64	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
7	DUONG QUOC CONG	TD5	54-55	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN GIA THẢO	TD5	48-49	2	10		64	KHOAN	Vietnamese
9	ĐÀO THANH SƠN	TD5	53	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
10	HÀ VĂN PHÚC	TD5	47	1	4	13	78	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM ĐĂNG KHÔI	TD5	61	1	6		92	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NGA	TD5	66	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN GIN	TD5	65	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	TD5	45-46	2	8		67	YTE	Vietnamese
15	LÊ VIỆT THẮNG	TD5	60	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DINH HUYNH	TD5	52	1	4		86	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN DUY	TD5	57	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	63	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG VAN KHAI	TD5	50	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN QUANG BÌNH	BK5	61	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	60	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC HUY	BK5	62-63	2	8	12	81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	22	118	1.370	13	14		CHUYEN 5 PAX TU P1 -BK5
2	P1	0	0	0	0	0	0	5	
3	BK5	3	4	20	227	12	3		
TOTAL		22	26	138	1.597	25	17		
WEIGHT KG				138	1.597	25			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: TD5 - P6	CREW: Dương - MTHAO - MQUÂN	ETA: 14:40
xanh-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	47	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
2	ĐINH ĐỨC KIẾN	TD5	57	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
3	ĐOÀN CAO DANH	TD5	56	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	46	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
5	LUU THẾ ĐIỆN	TD5	53	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ TIẾN DUNG	TD5	44	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH TUÊ	TD5	55	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	48	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN MINH CÔNG	TD5	49	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN CAO KHANH	TD5	50	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	54	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN PHUNG QUÊ	TD5	45	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ HỮU NGUYỄN	TD5	43	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TÍNH	TD5	39	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC HOANG HAI	TD5	37-38	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ TÂN	TD5	36	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CÔNG LƯU	TD5	41-42	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG HOAN	TD5	51-52	2	19		85	DVL	Vietnamese
19	PHẠM VĂN ĐAM	TD5	40	1	5		68	DVL	Vietnamese
20	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	P6	54	1	7		70	CỎ ĐIỆN	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC KHOA	P6	57-56	2	18	40	65	CỎ ĐIỆN	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	P6	55-53	2	10		52	CỎ ĐIỆN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	22	126	1.350	0	13		
2	P6	3	5	35	187	40	9		
TOTAL		22	27	161	1.537	40	22		
WEIGHT KG				161	1.537	40			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2023	TO: CTK3 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Cuong - Tú	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NINH BINH	CTK3	05-06	2	15		70	WOGC	Vietnamese
2	LE VAN LONG	P2	53	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	DO VAN DANG	P2	51	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN KHAC QUOC	P2	52	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
5	LE NGOC HUNG	P2	55	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH NAM	P2	64	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM XUAN TRUONG	P2	60	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN DAT	P2	63	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN DONG	P2	49	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUOC TRUNG	P2	56	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN CHUONG	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
12	DANG XUAN SON	P2	65	1	13		79	KH-THAC	Vietnamese
13	LE SY VANG	P2	50	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	HO HUY QUYNH	P2					64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN CHI HUONG	P2	58	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN MINH XANH	P2	54	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM THANH HIEN	P2	62	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG TAN QUAN	P2	46	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	LE HUNG CUONG	P2	61	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	LE ANH TU	P2	47-48	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
21	HA CHIEN THANG	P2	57	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN THUY	P2	59	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	1	2	15	70	0	0		
2	P2	21	20	114	1.472	0	22		
TOTAL		22	22	129	1.542	0	22		
WEIGHT KG				129	1.542	0			

GRAND TOAL: 1.671 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:00
FLIGHT: 06	TO: RP2 - BK14	CREW: HƯNG - NPhú - DTùng	ETA: 14:00
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MẠNH HÀ	RP2	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TUẤN VŨ	RP2	09	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	RP2	15	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁC SANG	RP2	06	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG QUỐC VƯƠNG	RP2	22	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN SÁCH ĐÓN	RP2	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	21	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH DUY	RP2	17	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ TUẤN ANH	RP2					66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	19	1	11		65	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	12	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH DƯƠNG	RP2	01	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CÔNG MINH HIẾU	RP2	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN KHANH	RP2	18	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO TUẤN ANH	RP2	10	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM QUANG LỢI	RP2	03	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NAM TRUNG	RP2	08	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TÙNG	RP2	16	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HAI SANG	RP2	11	1	5	45	58	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG QUỐC MAI	RP2	02	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HÙNG	RP2	04	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÀO VĂN TUẤN	RP2	20	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	21	111	1.480	45	20		
2	BK14	0	0	0	0	30	2		
TOTAL		22	21	111	1.480	75	22		
WEIGHT KG				111	1.480	75			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	TO: P2 - CLO	CREW: CHIẾN - ĐNam - HIẾU	ETA: 14:00
XANH-3			

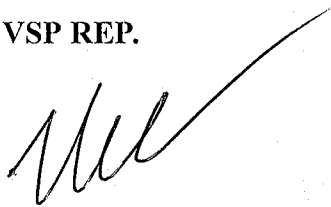
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN SON	P2	34	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI QUANG DUY	P2	18-19	2	19		79	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN NAM	P2	20	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN QUY TRUNG	P2	42	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG KHIEM	P2	15,17	2	11		75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN NGOC	P2	44-45	2	19		57	XAYLAP	Vietnamese
7	VU TAN HUU	P2	36-37	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG QUE	P2	542	1	10	16	69	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN HUNG LONG	P2	39	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
10	DUONG THANH TUAN	P2	38-39	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HOANG	P2	40-41	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN HUY HIEU	P2	35	1	15		82	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN SANG	P2	25-26	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN MINH NGOC	P2	28,32	2	20		87	XAYLAP	Vietnamese
15	CAO MINH CUONG	P2	33	1	10		91	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN MANH TUNG	P2	24	1	15	40	80	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN DUAN	P2	21-22	2	12		66	SOLAR	Vietnamese
18	LE QUANG HUY	P2	23	1	8		74	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG THANH	P2	540-541	2	9		72	KHI	Vietnamese
20	VU THE HUNG	CLO	68-69	2	17	7	65	KHOAN	Vietnamese
21	LE HUU HUNG	CLO	71	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
22	ĐẶNG MINH TUÂN	CLO	70	1	15		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

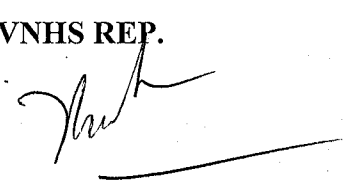
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	19	29	249	1.378	56	4		
2	CLO	3	4	37	217	7	18		
TOTAL		22	33	286	1.595	63	22		
WEIGHT KG				286	1.595	63			

GRAND TOAL: 1.944 KGS

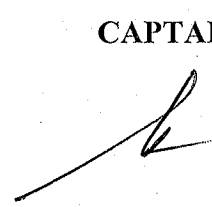
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2023	TO: TD3 - BK4 - TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Linh - N.ANH - Q.Trường	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PADKATILIN A.N	TD3	33	1	7		80	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD3	32	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN CÔNG MINH	TD3	31	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC TUẤN	TD3	34	1	4	10	60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VŨ QUỐC	TD5	80	1	7		62	DVL	Vietnamese
6	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD5	81	1	15		80	DVL	Vietnamese
7	LÊ PHÚ PHÚC	TD5	85	1	8		82	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC LONG	TD5	82-83	2	15		67	DVL	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN HÙNG	TD5	84	1	14		70	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NAM	TD5	86-87	2	20		70	DVL	Vietnamese
11	HOANG ANH TUẤN	TD5	79	1	8		63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	TD5	76	1	15		56	XAYLAP	Vietnamese
13	VÔ KIM THÔNG	TD5	74-75	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN SANH TOÀN	TD5	78	1	12		58	XAYLAP	Vietnamese
15	HỒ VĂN ANH	TD5	70	1	4		74	PSV	Vietnamese
16	PHẠM QUANG HUY	TD5	77	1	6		63	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TD5	71	1	3		64	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN VINH	TD5	68	1	3		76	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THAI PHƯỚC TRUNG	TD5	73	1	8		63	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN HÙNG	TD5	88	1	6		65	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN VIÊN	TD5	72	1	7		75	D-HANH	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HOANG VŨ	TD5	69	1	11		80	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	4	4	23	279	10	3		CHUYEN 1 PAX BK4-TD5
2	BK4	0	0	0	0	20	0 + 1		
3	TD5	18	21	182	1.231	0	18		
TOTAL		22	25	205	1.510	30	21		
WEIGHT KG				205	1.510	30			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:10
FLIGHT: 09	TO: RC3 - TD3	CREW: TUYỀN - MMinh - THU	ETA: 16:10
NAU-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	41	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO VĂN DŨNG	RC3	25	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH CÔNG	RC3					64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN Y	RC3	23	1	10	65	67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	24	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN TUẤN	TD3	53	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	52	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN CẢNH THẠC	TD3	44	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU NHẬN	TD3	51	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC DŨNG	TD3	48	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ DUY THANH	TD3	45	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ TƯ HỢP	TD3	49	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	TD3	43	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	46	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
15	DINH QUANG TRƯƠNG	TD3	50	1	9		62	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH TIẾN	TD3	40	1	8	35	88	KHOAN	Vietnamese
17	TẠ HOÀI TRANG	TD3	43	1	11	16	77	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC ANH	TD3	41	1	14		94	ANTOAN	Vietnamese
19	NGÔ VĂN TÍNH	TD3	37-38	2	21		62	ANTOAN	Vietnamese
20	TRẦN ANH TUẤN	TD3	36	1	5		63	DVL	Vietnamese
21	QUÁCH ĐẶC THẬN	TD3	39	1	3		54	PSV	Vietnamese
22	LÊ THANH CHÂU	TD3	47	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	5	4	28	337	65	1		
2	TD3	17	18	110	1.180	51	21		
TOTAL		22	22	138	1.517	116	22		
WEIGHT KG				138	1.517	116			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Phi công đã lấy manifest. Lưu VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 10	TO: RC10 - RP2 - RC3	CREW: CHIẾN - ĐNam - HIẾU	ETA: 16:20
XANH-4			

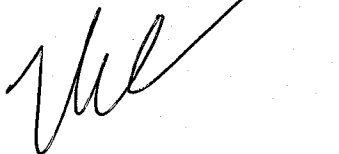
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO VIỆT HẢI	RC10	99	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÙNG	RC10	02	1	7	12	62	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THANH	RC10	01	1	10	35	61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LAM	RC10	93-94	2	13		65	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	RC10	95-97	3	19		76	CODIEN	Vietnamese
6	ĐÀO XUÂN THỌ	RC10	98	1	5		73	PSV	Vietnamese
7	LÊ CHÍ CƯỜNG	RP2	38	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ DUY QUYỀN	RP2	43	1	14		62	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2					64	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	39	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	40	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI VĂN TUÂN	RP2	41	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ MẠNH NAM	RP2	37	1	13	20	72	DVL	Vietnamese
14	TRẦN VĂN VIỆT	RP2	42	1	5		73	PSV	Vietnamese
15	HOÀNG VIỆT ANH	RP2	45	1	7		67	PSV	Vietnamese
16	BUI ĐỨC KHANH	RP2	44	1	5		55	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC QUÂN	RC3	36	1	12		75	CODIEN	Vietnamese
18	ĐỖ ĐỨC ANH	RC3	35	1	13	42	77	CODIEN	Vietnamese
19	KIM NHẬT THANH	RC3	31	1	13	43	75	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN DŨNG	RC3	34	1	12		52	CODIEN	Vietnamese
21	PHAN MẠNH HÙNG	RC3	32-33	2	13		66	CODIEN	Vietnamese
22	LÊ NGUYỄN	RC3	29-30	2	21		80	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

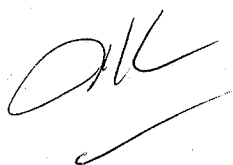
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC10	6	9	59	411	47	4		
2	RP2	10	9	64	665	20	5		
3	RC3	6	8	84	425	85	13		
TOTAL		22	26	207	1.501	152	22		
WEIGHT KG				207	1.501	152			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/10/2023	TO: CTC1 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:35
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Linh - N.ANH - Q.Trường	ETA: 16:50
CAM-4			

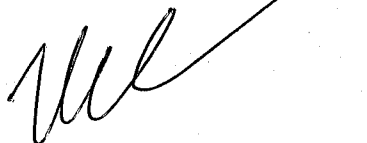
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HOÀNG	CTC1	06	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HAI	CTC1	14	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN NINH	CTC1	09	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY CÔNG	CTC1	12	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1	04	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG HOÀNG ANH	CTC1	11	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THẾ MẠNH	CTC1	13	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HUYỀN	CTC1	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT HÙNG	CTC1	10	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯƠNG ANH VŨ	CTC1	28	1	10	62	70	CODIEN	Vietnamese
11	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	CTC1	30-32	3	17		77	CODIEN	Vietnamese
12	ĐẠO AN TUÂN	CTC1	15	1	12		50	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN MẠNH HÙNG	CTC1	18-19	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ ANH CƯỜNG	CTC1	26-27	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HIẾU	CTC1	16-17	2	20		86	NIPI	Vietnamese
16	NGUYỄN NAM SƠN	CTC1	07-08	2	20		80	PSV	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN GIANG	CTC1	01-02	2	12	20	72	NHATHAU	Vietnamese
18	TÔ HỮU THĂNG	CTC1	40-41	2	10		82	DK9	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN HIỆP	RP2	03	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	TRẦN MINH HÙNG	RP2	04	1	7		85	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LẬP	RP2	02	1	3		65	PSV	Vietnamese
22	DIMIN	RP2	01	1	15		102	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

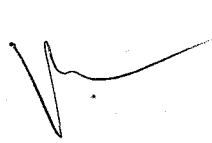
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	18	26	187	1.339	82	9		
2	RP2	4	4	30	312	0	11		
TOTAL		22	30	217	1.651	82	20		
WEIGHT KG				217	1.651	82			

GRAND TOAL: 1.950 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

